

Thứ năm, ngày 25 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tâm lý thận trọng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/06/2020		•	
Tuần 22/6-26/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà điều chỉnh nối tiếp trong phiên giao dịch hôm nay. Thị trường duy trì sắc đỏ trong cả phiên giao dịch với đà giảm thu hẹp vào phiên chiều. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có ngành Tài nguyên cơ bản (HSG, HPG) và Dịch vụ tài chính (VND, SSI) tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản suy giảm, biên độ thu hẹp với độ rộng thị trường tiêu cực báo hiệu tâm lý cẩn trọng trước dấu hiệu của làn sóng COVID-19 đợt hai đang gia tăng tại Hoa Kỳ, Đức và Úc. BSC khuyến nghị nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch và theo dõi các thông tin về diễn biến và ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.4%

Phân tích kỹ thuật: VGR_Đà tăng duy trì (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.12** điểm, đóng cửa **854.59** điểm. HNX-Index **+0.37** điểm, đóng cửa **114.07** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: NVL (+0.33); HPG(+0.24); STB(+0.13); ITA(+0.09); HSG(+0.08).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.25); VCB (-1.06); VNM(-0.35); BID (-0.34); TCB(-0.30).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,887** tỷ đồng, giảm **-6.9%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 6.58 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có **129** mã tăng, **51** mã tham chiếu và **243** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-54.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-58.9 tỷ)**, **VRE (-20.4 tỷ)** và **MSN (-18.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.39** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

854.59

Giá trị: 3887.22 tỷ

-5.12 (-0.6%)

Khối ngoại (ròng): -54.13 tỷ

HNX-INDEX

114.07

Giá trị: 623.32 tỷ

0.37 (0.33%)

Khối ngoại (ròng): -6.39 tỷ

UPCOM-INDEX

56.63

Giá trị: 0.17 tỷ

-0.11 (-0.19%)

Khối ngoại (ròng): -6.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	38.0	-0.11%
Giá vàng	1,763	0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,204	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,125	-0.09%
Tỷ giá JPY/VND	21,636	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	66.80%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	35.6	HPG	58.5
FUEVFNDC	26.0	VRE	20.4
VHM	23.2	MSN	18.4
DXG	19.6	VNM	17.9
NVL	14.1	BID	12.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
25/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	-2.5%	4.5%	33.6%	-7.4%	-7.4%	17.9%
Stay-at-home	0.2%	2.8%	7.0%	48.2%	7.4%	7.4%	17.7%
Dầu khí	-0.1%	0.9%	5.9%	48.5%	-19.7%	-19.7%	25.2%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-0.1%	1.1%	29.9%	-7.9%	-7.9%	16.8%
Corona Avengers	-0.3%	-0.6%	3.0%	51.9%	0.0%	0.0%	22.1%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	2.1%	4.6%	55.1%	0.1%	0.1%	19.9%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-1.3%	-0.6%	27.9%	-8.6%	-8.6%	17.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-0.6%	-0.8%	31.1%	-9.6%	-9.6%	18.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	0.0%	7.1%	45.9%	-1.1%	-1.1%	22.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-1.3%	-1.6%	28.4%	-9.8%	-9.8%	16.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	-0.3%	1.2%	35.7%	5.6%	5.6%	15.7%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	-2.5%	1.4%	44.1%	-8.8%	-8.8%	18.6%
Lãi suất giảm	-0.6%	0.4%	8.2%	54.3%	1.8%	1.8%	19.6%
Ngân Hàng	-0.7%	-2.0%	0.5%	32.7%	-4.6%	-4.6%	23.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.8%	-2.4%	0.1%	34.7%	-6.8%	-6.8%	21.5%
VN FinSelect	-0.9%	-2.1%	0.3%	34.0%	-6.3%	-6.3%	19.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	-1.4%	0.2%	33.5%	-11.2%	-11.2%	19.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.9%	-1.2%	-2.7%	37.4%	-12.3%	-12.3%	21.5%
Ngành Dược	-0.9%	-0.6%	-1.9%	15.5%	-7.5%	-7.5%	18.3%
Vật liệu Xây dựng	-1.0%	-1.9%	1.8%	47.6%	0.0%	0.0%	20.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.0%	-4.2%	-2.1%	5.2%	5.2%	5.2%	26.1%
VN Diamond	-1.1%	-1.2%	-1.9%	31.3%	-13.6%	-13.6%	19.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.2%	-1.3%	-1.7%	29.0%	-14.8%	-14.8%	16.8%
Xây dựng	-1.2%	0.2%	2.9%	42.4%	-2.3%	-2.3%	19.3%
Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.1%	-1.7%	3.5%	54.4%	-6.4%	-6.4%	21.1%
S11	0.0%	0.0%	3.4%	30.3%	-0.4%	-0.4%	18.8%
L11	-0.4%	-0.5%	2.4%	32.5%	-8.2%	-8.2%	17.7%
M22	-0.5%	-0.9%	0.1%	37.9%	-3.1%	-3.1%	18.9%
M31	-0.6%	-1.0%	0.4%	34.3%	-8.3%	-8.3%	21.2%
S32	-0.7%	-1.0%	-0.4%	44.9%	-15.0%	-15.0%	22.4%
S21	-0.8%	-0.9%	-1.3%	35.5%	-8.3%	-8.3%	20.1%
M12	-0.8%	-1.0%	-1.2%	30.0%	-7.2%	-7.2%	19.9%
L22	-0.9%	-0.9%	0.7%	41.3%	-7.3%	-7.3%	19.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.4%	0.6%	6.1%	43.9%	3.7%	3.7%	17.6%
LOW1	-0.5%	-0.4%	0.4%	28.5%	-5.2%	-5.2%	17.2%
HIGH3	-0.6%	-1.9%	-1.4%	37.5%	-2.0%	-2.0%	19.3%
INDEX							
VNINDEX	-0.6%	-1.6%	-1.1%	29.0%	-11.1%	-11.1%	17.0%
VN30INDEX	-0.6%	-1.5%	-1.2%	30.4%	-9.4%	-9.4%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	13	11	17	7	18	6
Mục tiêu	9	4	5	8	1	7	2
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VGR_Đà tăng duy trì

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng mua quá.

Nhận định: VGR nằm trong xu hướng hồi phục sau nhịp lỵ ngắn hạn tại vùng giá 11-12. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên, trong các phiên giao dịch Chỉ báo RSI báo hiệu nhịp điều chỉnh ngắn hạn khi nằm ở vùng quá mua trong khi chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế trong vùng giá 13-14 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 16.8-18.0 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 12.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.75	-0.68%	-3.30%	8.60%	-33.36%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	39.99	-0.79%	-3.70%	8.80%	-34.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	118.07	-1.31%	-6.10%	10.90%	-34.57%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1761.20	0.00%	2.20%	3.00%	26.02%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.53	0.14%	0.80%	2.30%	16.01%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	868.50	-0.17%	-0.90%	1.60%	-7.68%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	484.00	-0.36%	-1.00%	-5.20%	-14.64%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.91	-0.48%	0.00%	19.30%	24.02%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.83	-1.76%	-1.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.84	-0.67%	-3.40%	8.30%	-14.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	97.80	-0.41%	-0.40%	-7.00%	-18.74%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5865.00	-0.68%	1.60%	10.90%	-2.05%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	510.72	-0.25%	0.70%	3.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1576.00	-1.19%	-2.00%	4.60%	-13.41%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.08	0.97%	-0.90%	7.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.65	-0.38%	1.10%	-6.90%	-32.67%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 3.23 USD (5.4%) xuống 40.31 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 2.36 USD (5.8%) xuống 38.01 USD/thùng.
- Theo số liệu do Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ vừa công bố, tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần vừa qua đã tăng 1.4 triệu thùng, vượt mức dự đoán là 299,000 thùng, là tuần thứ 3 liên tiếp tăng. Nhập khẩu dầu thô của Ấn Độ tháng 5/2020 đã chạm mức thấp nhất kể từ tháng 10/2011. Nhập khẩu dầu vào Trung Quốc – nước nhập khẩu dầu thô số 1 thế giới – dự báo cũng sẽ giảm trong quý III/2020, sau khi đã mua mạnh gần đây.
- Số ca nhiễm virus corona ở Mỹ đã tăng nhiều thứ 2 kể từ khi đại dịch bắt đầu. Tương tự, tình hình lây nhiễm ở Trung Quốc, Mỹ Latinh và Ấn Độ cũng diễn biến phức tạp, khiến các nhà đầu tư lại dấy lên lo ngại về triển vọng giá dầu. Đồng USD mạnh lên càng gây áp lực lên giá dầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại vùng ở 1,766.21 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,775.1 USD/ounce.
- Giá vàng quay đầu giảm vào cuối phiên vừa qua sau khi lập kỷ lục cao nhất trong vòng 7 năm rưỡi vào đầu phiên, do các nhà đầu tư có xu hướng bán các tài sản ra để thu tiền mặt về trong bối cảnh số ca nhiễm virus corona gia tăng trở lại.

Giá sắt thép

- Giá cuộn sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 2.1% lên 771 CNY/tấn. Dữ liệu của Mysteel cho thấy sản lượng 5 loại thép chủ chốt trong tuần kết thúc vào ngày 18/6 (trong đó có thép thanh vằn và thép cuộn cán nóng) tiếp tục tăng lên 10.94 triệu tấn, làm gia tăng lo ngại về tình trạng dư cung trong giai đoạn nhu cầu giảm sút.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2% lên 3,620 CNY (512.28 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 0.4% xuống 3,064 CNY/tấn.

Giá cao su

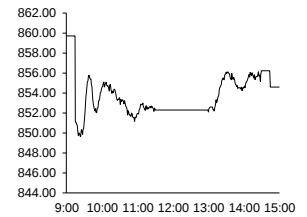
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.3 JPY xuống 157.5 JPY (1.48 USD)/kg. Đồng yen mạnh lên càng gây áp lực giảm giá đối với cao su, vì làm cho những tài sản mua bằng các loại tiền tệ khác trở nên rẻ hơn. USD trong phiên vừa qua niêm yết ở mức 106.54 JPY, so với 107.10 JPY của phiên liền trước.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 50 CNY xuống 10,325 CNY (1.460 USD)/tấn. Lượng cao su lưu kho trên sàn Thượng Hải đã giảm 0.4% so với ngày 19/6.
- Bộ Thương mại Mỹ ngày 23/6 thông báo đã mở cuộc điều tra về việc nhập khẩu lốp xe từ Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và Việt Nam để xác định xem lốp xe nhập từ các thị trường này có được bán với giá thấp hơn so với giá trị thực hay không.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.04 US cent (0.3%) xuống 11.75 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 5.9 USD, tương đương 1.6%, xuống 356.7 USD/tấn.
- Các yếu tố cơ bản đối với cả cung và cầu đều yếu đi. Việc nhiều nhà hàng, quán bar đóng cửa và các sự kiện phải hủy bỏ sẽ khiến tiêu thụ đường vụ này suy giảm – lần giảm đầu tiên trong vòng 40 năm, theo nhận định của hãng tư vấn Agritel.
- Sản lượng đường ở khu vực trung nam Brazil trong vụ 2020/21 dự báo đạt 10.57 triệu tấn, tăng 57% so với cùng vụ năm trước, theo dự báo của Unica.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 0.2 US cent (0.2%) lên 98.2 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 3 USD (0.3%) xuống 1,185 USD/tấn.

Hình 1

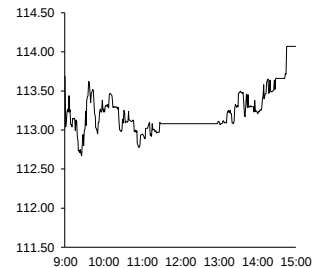
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

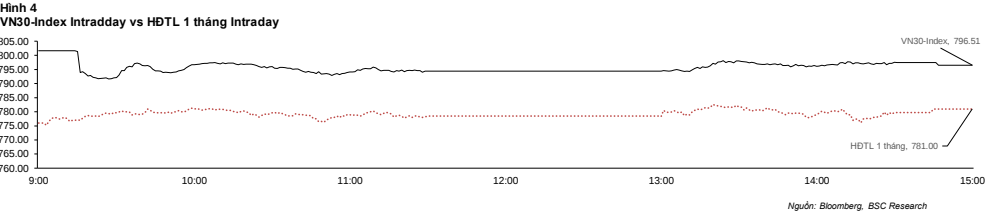
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Xây dựng và Vật liệu	-1.18%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.02%
Ô tô và phụ tùng	-1.00%
Bán lẻ	-1.00%
Hóa chất	-0.97%
Ngân hàng	-0.86%
Bảo hiểm	-0.82%
Y tế	-0.70%
Công nghệ Thông tin	-0.69%
Bất động sản	-0.52%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.47%
Du lịch và Giải trí	-0.45%
Thực phẩm và đồ uống	-0.40%
Truyền thông	-0.28%
Dầu khí	-0.28%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.25%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.24%
Tài nguyên Cơ bản	1.24%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	781.00	-0.51%	-15.51	20.2%	172.194	7/16/2020	21
VN30F2008	771.00	-0.52%	-25.51	35.3%	571	8/20/2020	56
VN30F2009	766.90	-0.76%	-29.61	-5.9%	96	9/17/2020	84
VN30F2012	764.70	-0.75%	-31.81	322.5%	376	12/17/2020	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.11 điểm xuống mức 796.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VIC, VPB, MWG, và VCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống gần 790 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch vận động giằng co quanh 795 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có vận động tích lũy quanh 790-800 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn. □

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2003	KIS	12/16/2020	174	2:1	168.670	124.0%	3.0 triệu	43.21%	3,000	1,150	10.58%	299	3.85
CDPM2002	KIS	12/16/2020	174	1:1	56.930	-63.9%	2.0 triệu	40.85%	1,700	2,970	7.22%	1,866	1.59
CHPG2007	KIS	7/16/2020	21	1:1	165.600	3147.1%	2.5 triệu	36.46%	1,660	4,610	7.21%	4,383	1.05
CHPG2009	HSC	10/29/2020	126	2:1	147.890	87.2%	5.0 triệu	36.46%	1,600	3,160	5.33%	2,810	1.12
CHPG2002	KIS	12/16/2020	174	2:1	354.720	424.5%	3.0 triệu	36.46%	1,700	1,710	4.91%	968	1.77
CSTB2003	KIS	9/16/2020	83	1:1	653.430	2.1%	3.0 triệu	41.11%	1,360	1,620	4.52%	1,124	1.44
CVHM2003	HSC	10/29/2020	126	10:1	148.720	-18.5%	5.0 triệu	36.85%	1,000	1,340	3.08%	1,009	1.33
CHPG2005	VND	10/1/2020	98	1:1	193.580	947.5%	2.0 triệu	36.46%	2,100	7,810	1.43%	8,578	0.91
CFPT2003	SSI	11/9/2020	137	1:1	18.600	-10.2%	2.0 triệu	32.28%	7,300	9,660	-1.23%	2,731	3.54
CVNM2004	SSI	11/30/2020	158	1:1	24.000	37.9%	2.0 triệu	31.28%	17,500	16,150	-1.76%	9,913	1.63
CVNM2003	MBS	9/4/2020	71	10:1	179.320	-38.0%	3.0 triệu	31.28%	1,450	2,550	-3.77%	2,359	1.08
CTCB2004	MBS	8/18/2020	54	2:1	214.370	76.4%	2.0 triệu	36.32%	1,050	1,920	-4.00%	1,720	1.12
CMWG2007	SSI	11/30/2020	158	1:1	20.310	-31.1%	2.0 triệu	39.63%	12,900	10,750	-4.27%	7,965	1.35
CVPB2005	MBS	8/18/2020	54	2:1	560.710	296.7%	2.0 triệu	43.89%	1,510	1,710	-5.00%	1,544	1.11
CVHM2002	SSI	11/30/2020	158	1:1	14.880	-27.8%	1.5 triệu	36.85%	11,500	10,070	-5.80%	7,315	1.38
CFPT2004	SSI	8/10/2020	46	1:1	36.100	24.4%	2.0 triệu	32.28%	5,100	6,810	-6.84%	1,050	6.48
CHDB2003	KIS	12/16/2020	174	2:1	127.860	81.5%	2.0 triệu	39.18%	2,700	1,250	-7.41%	509	2.45
CMBB2006	HSC	10/29/2020	126	2:1	115.930	-4.8%	5.0 triệu	34.35%	1,100	1,270	-9.93%	991	1.28
CMSN2004	MBS	9/4/2020	71	5:1	246.170	205.9%	1.5 triệu	34.17%	1,980	1,280	-10.49%	911	1.40
CCTD2001	KIS	12/16/2020	174	10:1	183.180	143.1%	1.0 triệu	53.53%	1,540	1,540	-14.92%	595	2.59
Tổng:					3,462.300		48.50 triệu	37.65%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đạo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

- Về giá, CFPT2002 và CNVL2001 tăng mạnh lần lượt là 29.00% và 16.25%. Trái lại, CMSN2005 và CMSN2002 giảm mạnh lần lượt là -16.78% và -15.44%. Giá trị giao dịch tăng 17.89%. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.87% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqt@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.30	1.11	0.65
STB	11.45	2.23	0.59
NVL	59.50	2.06	0.53
SSI	15.80	0.32	0.02
BVH	48.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.2	-1.46	-0.90
VIC	93.4	-1.37	-0.82
VPB	22.0	-1.35	-0.67
MWG	83.6	-1.65	-0.54
VCB	83.7	-1.18	-0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2003	43,999	37,999	26,500
CDPM2002	16,952	15,252	15,250
CHPG2007	24,659	22,999	27,300
CHPG2009	25,700	22,500	27,300
CHPG2002	33,399	29,999	27,300
CSTB2003	12,471	11,111	11,450
CVHM2003	80,000	70,000	75,500
CHPG2005	21,100	19,000	27,300
CFPT2003	57,300	50,000	46,800
CVNM2004	135,500	118,000	116,400
CVNM2003	108,500	94,000	116,400
CTCB2004	19,100	17,000	20,200
CMWG2007	99,900	87,000	83,600
CVPB2005	22,520	19,500	22,000
CVHM2002	88,500	77,000	75,500
CFPT2004	55,100	50,000	46,800
CHDB2003	37,523	32,123	25,700
CMBB2006	18,700	16,500	17,350
CMSN2004	64,900	55,000	56,700
CCTD2001	96,288	80,888	67,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.6	-1.6%	1.2	1,646	2.9	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.6	-1.3%	1.3	584	0.8	5,248	11.4	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.0	0.0%	1.3	1,549	0.9	1,307	36.7	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.2	-1.6%	0.4	293	0.0	2,056	14.7	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	93.4	-1.4%	0.8	13,736	0.7	2,095	44.6	3.9	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.5	-1.3%	1.1	2,618	2.5	1,226	21.6	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	59.5	2.1%	0.8	2,508	2.9	3,584	16.6	2.5	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	31.1	-0.8%	0.8	419	0.3	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.2	0.4%	1.3	274	2.5	2,289	5.3	0.9	40.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.8	0.3%	1.3	413	2.7	1,415	11.2	0.9	50.3%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.9	-0.7%	1.0	163	0.5	4,240	5.4	0.9	28.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.6	-0.8%	1.8	259	1.4	1,480	13.2	1.4	52.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.8	-0.8%	0.8	1,595	1.5	4,804	9.7	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	56.3	1.4%	0.4	609	0.0	4,812	11.7	3.0	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.4	-0.3%	1.5	6,025	1.1	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.9	-0.1%	1.5	2,374	3.1	869	52.7	2.9	13.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	-0.8%	1.6	258	1.6	1,238	10.0	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.2	0.0%	0.8	971	0.7	898	8.0	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	90.5	-1.2%	0.5	514	0.0	5,046	17.9	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.3	1.7%	0.5	259	2.5	1,006	15.2	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.5	2.9%	0.4	219	2.0	415	22.9	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.7	-1.2%	1.2	13,497	1.8	4,848	17.3	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.0	-0.7%	1.4	6,995	1.4	2,140	18.7	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.7	-0.4%	1.2	3,675	2.5	2,510	9.0	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.0	-1.3%	1.2	2,332	2.2	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.4	-1.1%	1.1	1,819	2.0	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.7	-0.4%	1.0	1,713	2.6	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.0	-0.9%	0.9	192	0.3	5,303	10.2	1.7	81.1%	17.0%
NTP	Nhựa	32.6	0.3%	0.4	167	0.1	4,208	7.7	1.3	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.3	-0.6%	0.4	701	0.0	356	45.8	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.3	1.1%	1.1	3,277	29.0	2,764	9.9	1.5	35.9%	17.4%
HSG	Thép	12.3	5.1%	1.5	238	9.9	1,493	8.2	0.9	12.7%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.4	-0.6%	0.7	8,813	2.9	5,453	21.3	6.8	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	160.0	0.0%	0.8	4,461	0.4	6,719	23.8	6.0	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.7	-0.9%	1.0	2,882	3.8	3,961	14.3	1.6	39.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.6	-1.7%	0.8	372	1.4	171	85.5	1.2	5.7%	1.5%
ACV	Vận tải	62.3	-0.3%	0.8	5,897	0.5	3,450	18.1	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.5	0.0%	1.1	2,471	1.2	7,110	15.3	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	26.7	-1.1%	1.7	1,646	0.5	1,654	16.1	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.8	-1.3%	0.9	255	0.1	1,583	12.5	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	-0.5%	1.1	133	0.7	2,117	5.1	0.7	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.9	-0.2%	0.9	424	0.2	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	-1.8%	0.8	367	0.2	1,453	13.0	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	-2.2%	1.0	226	0.2	1,938	7.0	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	67.6	-6.1%	1.1	224	2.4	8,032	8.4	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	28.1	-2.8%	0.4	540	0.3	1,498	18.8	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.7	-1.1%	0.3	194	1.0	1,775	10.5	0.9	39.7%	8.5%
POW	Điện	10.3	-1.0%	0.6	1,044	0.9	1,028	10.0	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.7	0.5%	0.5	271	0.3	2,543	8.5	1.4	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	59.50	2.06	0.33	1.12MLN
HPG	27.30	1.11	0.24	24.41MLN
STB	11.45	2.23	0.13	10.66MLN
ITA	5.26	6.91	0.09	15.60MLN
HSG	12.30	5.13	0.08	18.73MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.25	169470.00	1.11MLN
VCB	0.00	-1.06	506650.00	607060.00
VNM	0.00	-0.35	572770.00	373600.00
BID	0.00	-0.34	791820.00	192700.00
TCB	0.00	-0.30	1.16MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJS	23.00	6.98	0.05	153800.00
MHC	5.53	6.96	0.00	2.01MLN
DAT	9.54	6.95	0.01	10.00
ITA	5.26	6.91	0.09	15.60MLN
VID	9.00	6.89	0.01	188110.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPG	17.30	-6.99	-0.01	7200.00
PLP	11.40	-6.94	-0.01	1.25MLN
SC5	19.45	-6.94	-0.01	1160.00
HTL	12.10	-6.92	0.00	160.00
VAF	7.97	-6.89	-0.01	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.30	2.88	0.52	1.22MLN
VIX	8.20	9.33	0.07	1.15MLN
HUT	2.90	7.41	0.05	19.59MLN
DNP	17.00	3.66	0.03	4000.00
IDJ	12.90	5.74	0.02	264600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

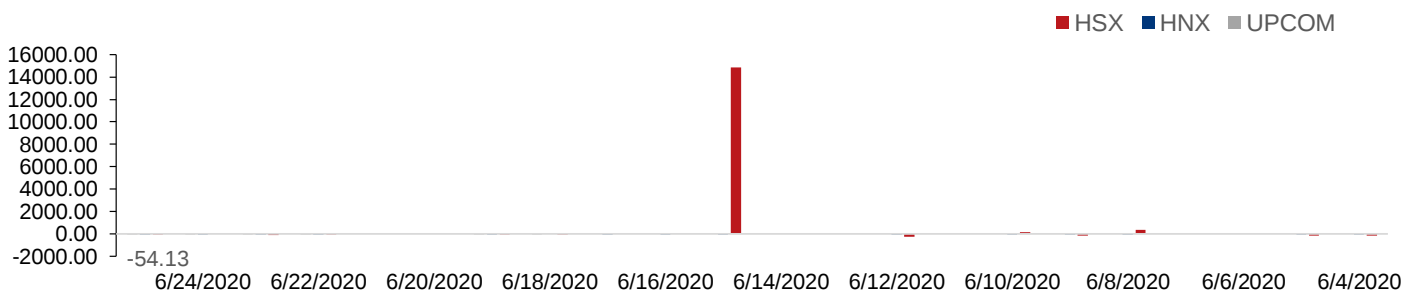
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.70	-0.42	-0.16	2.50MLN
VCG	28.10	-2.77	-0.05	206300.00
VNR	20.60	-7.21	-0.03	5800.00
IDC	18.00	-1.10	-0.03	20200.00
PTI	19.00	-6.40	-0.03	4000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	16.7	0.00	1.04MLN
FID	1.10	10.0	0.00	448600.00
KVC	1.10	10.0	0.01	1.01MLN
QHD	22.00	10.0	0.01	400.00
BST	13.30	9.9	0.00	900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	-11.11	0.00	320800.00
DC4	12.60	-10.00	-0.01	500.00
L35	7.40	-9.76	0.00	1700.00
DST	5.60	-9.68	-0.02	474000.00
VXB	5.60	-9.68	0.00	200.00



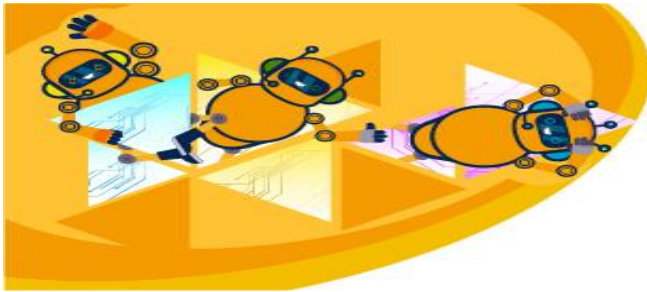
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.7	3,961	14.3	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.4	4,717	8.1	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	12.3	1,493	8.2	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.8	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.6	1,140	17.2	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.3	2,764	9.9	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.2	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.6	5,248	11.4	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	136.0	5,718	23.8	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.2	2,289	5.3	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.2	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.7	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.3	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	39.2	4,465	8.8	1.7	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.7	4,848	17.3	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.7	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.5	6,553	5.7	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	50.6	3,887	13.0	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.8	4,804	9.7	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.8	1,583	12.5	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
VEA 2020Q2	27/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Khuyến nghị MUA: Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	
VTP 2020Q2	19/5/2020	

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn